

PHỤ LỤC 2
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT (2017-2019)
(Kèm theo Công văn số 2664/DKVN-KTĐT ngày 08/6/2020
của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm 2017, 2018, 2019

1.1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2017, 2018, 2019:

1.1.1. Về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Trong các năm 2017, 2018 và 2019, PVN đều hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất đã được Chính phủ giao như khai thác dầu thô, khai thác khí, sản lượng của các sản phẩm sản xuất như điện, đạm, xăng dầu các loại. Cụ thể:

- Năm 2017:

- + Gia tăng trữ lượng dầu khí đạt 4,0 triệu tấn dầu quy đổi.
- + Ký 01 hợp đồng dầu khí mới là PSC lô 125&126.
- + Có 01 phát hiện dầu khí mới là Cá Trích (lô 11-2).
- + Đưa công trình dầu khí mới vào khai thác là giàn Thỏ Trắng 3 sớm hơn so với kế hoạch 13 ngày.
- + Tổng sản lượng khai thác đạt 25,41 triệu tấn dầu quy đổi, vượt 1,6 triệu tấn quy dầu $\approx 6,7\%$ so với kế hoạch năm. Trong đó:
 - o Khai thác dầu thô đạt 15,52 triệu tấn, vượt 1,32 triệu tấn $\approx 9,3\%$ so với kế hoạch. Trong đó: Khai thác dầu ở trong nước đạt 13,57 triệu tấn, vượt 1,29 triệu tấn $\approx 10,5\%$ kế hoạch; Khai thác dầu ở nước ngoài đạt 1,95 triệu tấn, vượt 30 nghìn tấn $\approx 1,5\%$ kế hoạch.
 - o Khai thác khí đạt 9,89 tỷ m³, vượt 280 triệu m³ $\approx 3,0\%$ kế hoạch đầu năm.
- + Sản xuất điện đạt 20,58 tỷ kWh, vượt 481 triệu kWh $\approx 2,4\%$ kế hoạch năm.
- + Sản xuất đạm đạt 1,65 triệu tấn, vượt 128 nghìn tấn $\approx 8,4\%$ kế hoạch năm.
- + Sản xuất xăng dầu đạt 6,24 triệu tấn, bằng 92% so với kế hoạch năm.

- Năm 2018:

- + Gia tăng trữ lượng dầu khí đạt 12 triệu tấn dầu quy đổi, so với mức kế hoạch năm là 10 triệu tấn quy dầu, PVN đã hoàn thành kế hoạch năm.
- + Có 02 phát hiện dầu khí mới tại giếng Mèo Trắng Đông-1X (lô 09-1, VSP) và Thỏ Tinh Nam-1X (lô 05- 3/11, Rosneft).
- + Đưa mỏ 02 mỏ mới vào khai thác là mỏ Bunga Pakma-PM3CAA và mỏ Phong Lan Đại.
- + Tổng sản lượng khai thác đạt 23,98 triệu tấn dầu quy đổi, vượt 1,14 triệu tấn quy dầu $\approx 5,0\%$ so với kế hoạch năm. Trong đó:
 - o Khai thác dầu thô đạt 13,97 triệu tấn, vượt 735 nghìn tấn $\approx 5,6\%$ so với kế hoạch. Trong đó: Khai thác dầu ở trong nước đạt 12,0 triệu tấn, vượt 675 nghìn tấn $\approx 6,0\%$ kế hoạch; Khai thác dầu ở nước ngoài đạt 1,98 triệu tấn, vượt 60 nghìn tấn $\approx 3,1\%$ kế hoạch.
 - o Khai thác khí đạt 10,01 tỷ m³, vượt 410 triệu m³ $\approx 4,3\%$ kế hoạch năm.
- + Sản xuất điện đạt 21,01 tỷ kWh, bằng 97,4% so với kế hoạch năm.

ml

- + Sản xuất đạm đạt 1,63 triệu tấn, vượt 88 nghìn tấn $\approx 5,7\%$ kế hoạch năm.
- + Sản xuất xăng dầu đạt 9,40 triệu tấn, bằng 80,0% so với kế hoạch năm.
- Năm 2019:
 - + Gia tăng trữ lượng dầu khí đạt 13,38 triệu tấn dầu quy đổi, hoàn thành kế hoạch năm (kế hoạch năm là 10-15 triệu tấn quy dầu).
 - + Có 01 phát hiện dầu khí mới tại lô 06.1 và biểu hiện dầu khí tốt tại lô 114 mở ra cơ hội đầu tư và thu hút đầu tư trong lĩnh vực tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí trong thời gian tới.
 - + Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác mỏ Cá Tầm và giàn BK-20 của VSP.
 - + Tổng sản lượng khai thác đạt 23,29 triệu tấn dầu quy đổi, vượt 1,23 triệu tấn quy dầu $\approx 5,6\%$ so với kế hoạch năm. Trong đó:
 - o Khai thác dầu thô đạt 13,09 triệu tấn, vượt 721 nghìn tấn $\approx 5,8\%$ so với kế hoạch. Trong đó: Khai thác dầu ở trong nước đạt 11,04 triệu tấn, vượt 619 nghìn tấn $\approx 6,0\%$ kế hoạch; Khai thác dầu ở nước ngoài đạt 2,04 triệu tấn, vượt 102 nghìn tấn $\approx 5,3\%$ kế hoạch.
 - o Khai thác khí đạt 10,20 tỷ m^3 , vượt 507 triệu $m^3 \approx 5,2\%$ kế hoạch đầu năm.
 - + Sản xuất điện đạt 22,54 tỷ kWh, vượt 942 triệu kWh $\approx 4,4\%$ kế hoạch năm.
 - + Sản xuất đạm đạt 1,58 triệu tấn, vượt 131 nghìn tấn $\approx 9,1\%$ kế hoạch năm.
 - + Sản xuất xăng dầu đạt 11,50 triệu tấn, vượt 1,3% so với kế hoạch năm.

1.1.2. Về các chỉ tiêu tài chính:

1.1.2.1. Các chỉ tiêu tài chính toàn Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam:

- Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá cố định năm 2010) trong 03 năm qua đều hoàn thành vượt kế hoạch năm: Năm 2017 đạt 448,6 nghìn tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch năm. Năm 2018 đạt 489,1 nghìn tỷ đồng, tăng 9,1% so với năm 2017. Năm 2019 đạt 519,8 nghìn tỷ đồng, vượt 4,3% so với kế hoạch năm - góp phần quan trọng vào tăng trưởng GDP cả nước năm 2019 (7,02%).
- Tổng doanh thu của toàn bộ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam trong 03 năm qua đều hoàn thành vượt kế hoạch năm: Năm 2017 đạt 498 nghìn tỷ đồng, vượt 13,8% kế hoạch năm và tăng 10,1% so với năm 2016. Năm 2018 đạt 626,8 nghìn tỷ đồng, vượt 18% kế hoạch năm và tăng 26% so với năm 2017. Năm 2019 đạt 736,2 nghìn tỷ đồng, vượt 123,9 nghìn tỷ đồng (\approx vượt 20%) kế hoạch năm, tăng 17% so với năm 2018.
- Trong 03 năm qua, Nộp ngân sách Nhà nước toàn Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đều hoàn thành vượt kế hoạch năm: Năm 2017 đạt 97,5 nghìn tỷ đồng, vượt 30,8% kế hoạch năm và tăng 8% so với năm 2016. Năm 2018 đạt 121,3 nghìn tỷ đồng, vượt 64,3% kế hoạch năm và tăng 24% so với năm 2017. Năm 2019 đạt 108,0 nghìn tỷ đồng, vượt 20,5 nghìn tỷ đồng (\approx vượt 23,0%) kế hoạch năm.

1.1.2.2. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:

- Tổng doanh thu hợp nhất Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong 03 năm qua đều hoàn thành vượt kế hoạch năm: Năm 2017 đạt 293,3 nghìn tỷ đồng, vượt 23% kế hoạch năm và tăng 16% so với năm 2016. Năm 2018 đạt 339,6 nghìn tỷ đồng, vượt 22% kế hoạch năm và tăng 16% so với năm 2017. Năm 2019 đạt 397,4 nghìn tỷ đồng, vượt 4% kế hoạch năm, tăng 17% so với năm 2018.

ML

- Trong 03 năm qua, tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất đều hoàn thành vượt kế hoạch năm: Năm 2017 đạt 38,3 nghìn tỷ đồng, vượt gấp 2,3 lần kế hoạch năm. Năm 2018 đạt 41,9 nghìn tỷ đồng, vượt 120% kế hoạch năm. Năm 2019 đạt 34,9 nghìn tỷ đồng, vượt 42% kế hoạch năm.

1.1.2.3. Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:

- Tổng doanh thu của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong 03 năm qua đều hoàn thành vượt kế hoạch năm: Năm 2017 đạt 58,5 nghìn tỷ đồng, vượt 31% kế hoạch năm và tăng 29% so với năm 2016. Năm 2018 đạt 73,6 nghìn tỷ đồng, vượt 86% kế hoạch năm và tăng 26% so với năm 2017. Năm 2019 đạt 47,8 nghìn tỷ đồng, vượt 9,4% so với kế hoạch năm (không bao gồm doanh thu từ Chi nhánh phân phối sản phẩm Nghi Sơn).
- Trong 03 năm qua, tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ - PVN đều hoàn thành vượt kế hoạch năm: Năm 2017 đạt 37,5 nghìn tỷ đồng, vượt gấp 2,5 lần kế hoạch năm và tăng 37% so với năm 2016. Năm 2018 đạt 28,8 nghìn tỷ đồng, vượt 71% kế hoạch năm. Năm 2019 đạt 24,2 nghìn tỷ đồng, vượt 16,3% kế hoạch năm
- Hệ số bảo toàn vốn qua các năm 2017, 2018, 2019 đều được đảm bảo an toàn và phát triển vốn: tại 31/12/2017 là 1,03 lần, tại 31/12/2018 là 1,02 lần và tại 31/12/2019 là 1,02 lần.
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu qua các năm 2017, 2018, 2019 đều được bảo đảm an toàn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của PVN: tại 31/12/2017 là 0,27 lần, tại 31/12/2018 là 0,33 lần, và tại 31/12/2019 là 0,35 lần.

1.2. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm 2017, 2018, 2019:

Hàng tháng, PVN đều có báo cáo Ban chỉ đạo Nhà nước các dự án trọng điểm về dầu khí, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về tình hình thực hiện các dự án trọng điểm của ngành dầu khí. Đây là những dự án/báo cáo mật nên PVN xin phép không đề cập tại đây.

1.3. Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm 2017, 2018, 2019:

1.3.1. Lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí

Tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí là lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của PVN và luôn được ưu tiên triển khai tích cực. Trong 3 năm qua, công tác tìm kiếm thăm dò dầu khí gặp nhiều khó khăn, các lô dầu khí mở có tiềm năng dầu khí hạn chế, trữ lượng nhỏ, nằm tại vùng nước sâu, xa bờ hoặc có cấu trúc địa chất phức tạp, các nhà đầu tư ít hoặc không quan tâm đến các lô hợp đồng dầu khí mới do các quy định của Luật Dầu khí đang áp dụng không còn phù hợp với tiềm năng dầu khí hiện tại và xu hướng phát triển sắp tới của ngành dầu khí; thách thức lớn từ việc gia tăng trữ lượng dầu khí để bù đắp vào sản lượng khai thác, đảm bảo sự phát triển bền vững của PVN từ 2017 đến nay... Xác định những khó khăn nêu trên, các nhà thầu/đơn vị đã tập trung rà soát các hạng mục công việc và chi phí, đảm bảo hiệu quả, tối ưu dòng tiền phù hợp với từng loại hình dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển khai thác; Đảm bảo công tác tìm kiếm thăm dò dầu khí và khai thác dầu khí của PVN hoàn thành kế hoạch đề ra hằng năm.

1.3.2. Lĩnh vực công nghiệp khí

Hệ thống đường ống thu gom dẫn khí của PVN được vận hành an toàn, cung cấp khí ổn định cho các hộ tiêu thụ; công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, đột xuất



và kiểm định hiệu chuẩn được triển khai theo đúng kế hoạch, đúng quy trình, có chất lượng và đảm bảo hệ thống/thiết bị hoạt động ổn định, liên tục.

1.3.3. Lĩnh vực công nghiệp điện

PVN tiếp tục hợp tác chặt chẽ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)/A0 trong việc thực hiện thị trường điện cạnh tranh, phối hợp hiệu quả giữa vận hành và huy động tối ưu công suất các nhà máy điện, đảm bảo cung cấp điện cho lưới điện quốc gia theo đúng kế hoạch đề ra. Công tác bảo trì sửa chữa thường xuyên các nhà máy điện được thực hiện theo đúng yêu cầu của nhà chế tạo và theo kế hoạch đề ra. Đồng thời, công tác theo dõi, đánh giá định mức kinh tế - kỹ thuật của tất cả các nhà máy điện được tiến hành đầy đủ, liên tục, đáp ứng theo yêu cầu đề ra.

1.3.4. Lĩnh vực chế biến dầu khí

Các nhà máy: Lọc dầu Dung Quất, Đạm Phú Mỹ, Đạm Cà Mau được vận hành ổn định với công suất tối ưu. Công tác sửa chữa bảo dưỡng tổng thể/sửa chữa định kỳ các nhà máy được triển khai thực hiện theo đúng quy trình, kế hoạch đề ra và đều hoàn thành vượt mốc tiến độ 1-2 ngày. Công tác kiểm tra, bảo dưỡng và khắc phục các lỗi kỹ thuật sau nghiệm thu ban đầu (DCSM) Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn đã được triển khai thực hiện theo đúng quy trình. Các chỉ tiêu sản xuất đạm, xăng dầu, polypropylen của Tập đoàn đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

PVN đã phối hợp chặt chẽ với các đối tác trong Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP) hoàn thành đầu tư và đưa Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn vào vận hành thương mại từ ngày 14/11/2018. NSRP đã được chủ đầu tư ký Giấy chứng nhận hoàn thành mốc nghiệm thu sơ bộ; đã bàn giao và đưa vào khai thác.

Đối với dự án xơ sợi Polyester Đình Vũ: năm 2018, đã đưa 06 dây chuyền kéo sợi vào hoạt động. Nhà máy xơ sợi Đình Vũ đã hoạt động trở lại, đến ngày 14/12/2018, tổng lượng sản phẩm bán là 1.152,1 tấn, đạt 44,58 tỷ đồng doanh thu, tồn kho còn 285,6 tấn.

Năm 2019 đánh dấu sự đột phá của PVCFC trong việc triển khai thực hiện các giải pháp tối ưu hóa vận hành nhà máy, đặc biệt là các giải pháp thay thế một phần nguồn khí thiếu hụt.

1.3.5. Lĩnh vực dịch vụ dầu khí

Nếu như 2017 là năm tiếp nối khó khăn của những năm trước với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; thì đến năm 2018, các đơn vị đã nhận thức nghiêm túc về những khó khăn và đã có các giải pháp tích cực để ứng phó phù hợp với tình hình khối lượng công việc và giá dịch vụ suy giảm, một số đơn vị đã đẩy mạnh tìm kiếm đơn hàng, phát triển dịch vụ dầu khí ra nước ngoài, các đối tác liên doanh và bước đầu đạt được kết quả tích cực. Trong năm 2019, hầu hết các giàn khoan tự nâng của PVDrilling đều có việc làm tương đối ổn định; Công tác phát triển dịch vụ dầu khí ra nước ngoài tiếp tục được đẩy mạnh và đạt được những kết quả tích cực. Hầu hết các đơn vị dịch vụ chủ lực của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu doanh thu kế hoạch năm 2019, trong đó nhiều đơn vị đạt cao hơn so với năm 2018, như PTSC, PVTrans, DMC, PVOil, PVI, PVcomBank.

1.3.6. Công tác đầu tư xây dựng

Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm nhà nước về dầu khí và các dự án trọng điểm của PVN được kiểm soát chặt chẽ. Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án trọng điểm dầu khí và các dự án điện cấp bách, PVN thường xuyên báo cáo Bộ Công

Thương, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về các khó khăn để Bộ Công Thương, Ủy ban Quản lý vốn kịp thời có giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ PVN thực hiện.

PVN đã rất tích cực trong việc xử lý 05 dự án yếu kém, khó khăn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và trong năm 2018 đã có dấu hiệu tích cực. Đó là: đưa 06 dây chuyền Nhà máy Xơ sợi Đình Vũ vào hoạt động trở lại từ ngày 01/11/2018; đưa Nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất vào hoạt động trở lại từ ngày 14/10/2018.

Công tác quản trị đầu tư còn một số tồn tại như: (i) Công tác thẩm định/phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư ở nhiều dự án còn chậm; (ii) Việc giải quyết các vướng mắc liên quan đến thủ tục đầu tư các lô hợp đồng dầu khí đã thực hiện trong quá khứ còn chậm. Nguyên nhân chủ yếu do hồ sơ liên quan của các đơn vị/chủ đầu tư/nhà thầu trình PVN chưa đầy đủ và cần nhiều tài liệu bổ sung, thuyết minh dẫn đến công tác thẩm định tổng mức đầu tư điều chỉnh, hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án kéo dài.

Việc thu xếp vốn và giải ngân vốn vay cho các dự án tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do một số dự án không nằm trong diện được bảo lãnh của Chính phủ, không được tiếp cận với những nguồn vốn ưu đãi.

1.3.7. Công tác quản trị

Có thể khẳng định năm 2019 là năm đột phá trong công tác quản trị và bước đầu PVN đã đạt được kết quả tích cực đó là:

- Đã áp dụng triệt để các tính năng phần mềm quản lý, xử lý công văn giữa các Ban/Văn phòng và Ban Tổng giám đốc PVN, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí văn phòng phẩm, đồng thời nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, kiểm soát được tiến độ trong xử lý công việc từ cấp chuyên viên PVN.
- Đã ban hành và áp dụng Quy chế Quản trị Công ty mẹ - PVN, trong đó quy định rõ phạm vi gồm các nội dung:
 - + Tổ chức, quản lý, điều hành, nguyên tắc, chế độ làm việc và mối quan hệ công tác giữa các cấp trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam;
 - + Xây dựng, ban hành và quản lý văn bản nội bộ của Công ty mẹ - PVN;
 - + Quản lý người đại diện của Công ty mẹ - PVN tại doanh nghiệp khác;
 - + Kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro;
 - + Phân cấp thẩm quyền trong quản lý, điều hành Công ty mẹ - PVN;
 - + Công bố thông tin, phát ngôn và cung cấp thông tin trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam;
 - + Văn thư, lưu trữ và bảo mật trong Công ty mẹ - PVN.
- Hoàn thành rà soát toàn bộ các văn bản quản lý nội bộ tại Công ty mẹ - PVN; các văn bản quản lý nội bộ sau rà soát, phân chia thành 06 Bộ Quy chế nghiệp vụ theo lĩnh vực quản lý và nhóm chuyên đề, đó là:
 - + (i) Bộ Quy chế nguồn nhân lực;
 - + (ii) Bộ Quy chế các hoạt động E&P;
 - + (iii) Bộ Quy chế Nội chính truyền thông;
 - + (iv) Bộ Quy chế Quản lý Khoa học, Công nghệ, các sản phẩm thương mại;
 - + (v) Bộ Quy chế Đầu tư, đấu thầu và mua sắm;
 - + (v) Bộ Quy chế tài chính kế toán.

Trong năm 2019, PVN đã ban hành 20 quy chế quản lý nội bộ, bao gồm: 07 quy chế thuộc bộ Quy chế nguồn nhân lực; 09 quy chế thuộc bộ Quy chế Nội chính truyền

thông; 03 quy chế thuộc bộ Quy chế Quản lý Khoa học, Công nghệ, các sản phẩm thương mại và 01 quy chế thuộc bộ Quy chế tài chính kế toán.

1.3.8. Công tác chuyển đổi và tái cấu trúc doanh nghiệp

Trong 03 năm qua, PVN tiếp tục triển khai công tác chuyển đổi và tái cấu trúc doanh nghiệp theo Đề án tái cơ cấu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 05/01/2013 và số 1011/QĐ-TTg ngày 03/7/2015, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 1182/TTg-ĐMDN ngày 11/8/2017 về Phê duyệt danh mục doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2017-2020.

Về công tác thoái vốn: Năm 2017, PVN đã hoàn thành thoái vốn tại CTCP Bất động sản Dầu khí Việt Nam; Năm 2018, hoàn thành thoái vốn tại Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn. Năm 2019, PVN đã chủ động tích cực triển khai thực hiện, xây dựng phương án thoái vốn tại các công ty liên doanh liên kết theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền.

Về công tác cổ phần hóa doanh nghiệp: PVN đã cổ phần hóa thành công 03 đơn vị thành viên, gồm: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam và Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn, thu về thặng dư khoảng 7.450 tỷ đồng cho nhà nước.

Trong năm 2018, PVN đã hoàn thành công tác tái cơ cấu bộ máy điều hành tại Công ty mẹ - PVN, tinh giảm biên chế sau khi tái cấu trúc PVN.

1.3.9. Công tác khoa học công nghệ, đào tạo và quản trị nguồn nhân lực

- **Công tác khoa học công nghệ:** PVN hoàn thành thẩm định và ban hành 02 bộ định mức về tiêu hao nhiên liệu thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu của Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực Miền Nam và Định mức đọc phân biệt các báo cáo RAR, ODP, FDP; Hoàn thành sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý hao hụt sản phẩm lỏng; Ban hành Quy chế Quản lý khoa học. Năm 2019, PVN đã ban hành Quy chế giải thưởng khoa học và Công nghệ Dầu khí; tập trung hoàn thiện dự thảo các quy chế gồm: Quy chế Quản lý nghiên cứu Khoa học và Công nghệ của Tập đoàn, Quy chế trích lập và sử dụng Quỹ phát triển Khoa học công nghệ, Quy chế quản lý hao hụt sản phẩm lỏng.
- **Công tác đào tạo:** tổ chức thực hiện công tác đào tạo theo đúng kế hoạch đề ra; Hoàn thành xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược Đào tạo – Phát triển nguồn nhân lực Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035; Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình đào tạo bắt buộc, có tính hệ thống dành cho cán bộ quản lý/cán bộ nguồn và CBCNV; Duy trì việc hợp tác đào tạo với các đối tác đào tạo nước ngoài; Tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu tập trung cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của PVN,.... Năm 2019, PVN đã xây dựng kế hoạch đào tạo và nội dung các khóa đào tạo theo định hướng trong Chiến lược, rà soát và điều chỉnh các chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Chú trọng thực hiện các chương trình đào tạo chuyên sâu cho lĩnh vực khâu đầu, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao nghiệp vụ, các chương trình đào tạo bắt buộc như an ninh quốc phòng, an toàn trên biển... Đồng thời tập trung xây dựng và tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản trị cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý của Tập đoàn.

- *Công tác quản trị nguồn nhân lực:* trong năm 2019, PVN đã tập trung xây dựng ban hành các Quy chế liên quan đến công tác quản lý cán bộ, lao động tiền lương của PVN phù hợp với các quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước, gồm: Quy chế quản lý cán bộ trong Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam; Quy chế quan hệ công tác giữa Ban Thường vụ Đảng ủy, Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tập đoàn; Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu nhập đối với các Ban Quản lý dự án trực thuộc PVN; Quy chế quản lý Người đại diện của PVN; hoàn thành dự thảo Quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối phúc lợi Bộ máy điều hành PVN; Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ các Ban/VP và CBNV.

1.3.10. Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, thanh tra và pháp chế

- *Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường:* công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ được đảm bảo, an toàn; Thực hiện Chính sách An toàn – Sức khỏe – Môi trường và Sổ tay Hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường; Hệ thống cơ sở dữ liệu An toàn – Sức khỏe – Môi trường và xây dựng bổ sung phần mềm phân tích, đánh giá nguyên nhân tai nạn sự cố của PVN được duy trì và hoạt động tốt. PVN đã tổ chức các khóa đào tạo chuyên ngành về công tác an toàn cho các cán bộ làm công tác an toàn trong toàn Tập đoàn. PVN chủ động tổ chức kiểm tra, nhắc nhở các đơn vị thành viên chấp hành nghiêm túc công tác phòng cháy, chữa cháy trong các dịp lễ tết; Thực hiện kiểm toán kỹ thuật hằng năm về công tác An toàn – Sức khỏe – Môi trường đối với các Nhà thầu/Nhà điều hành dầu khí theo kế hoạch; Hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động tốt Hệ thống phần mềm, văn phòng trực tình huống khẩn cấp; Duy trì chế độ trực 24/24 giờ tại Văn phòng trực các tình huống khẩn cấp. Đối với các công trình trọng điểm, tăng cường kiểm tra trước các mốc quan trọng như khởi động, chạy thử, các đợt bảo dưỡng, sửa chữa lớn hoặc sau khi xảy ra các sự cố mất an toàn.
- *Công tác thanh tra:* các đơn thư được tiếp nhận, xem xét và xử lý theo đúng thẩm quyền. PVN đã chỉ đạo các đơn vị trong ngành tăng cường bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp và khẩn trương giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; Công tác tiếp dân được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; Tổ chức tiếp cán bộ, công nhân viên hoặc công dân đến phản ánh, kiến nghị một số vấn đề liên quan đến hoạt động của một số đơn vị; Xử lý tốt các lượt đơn thư gửi đến theo đúng thẩm quyền; Hướng dẫn đơn vị, tổ chức và cá nhân trong ngành dầu khí có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết kịp thời đúng pháp luật về khiếu nại tố cáo, do vậy không có tình trạng khiếu kiện đông người và đơn thư tồn đọng kéo dài. PVN tổ chức thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng; Xây dựng kế hoạch về kiểm tra công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng để triển khai đến các đơn vị trong toàn Tập đoàn. Chỉ đạo các đơn vị triển khai đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, đồng thời yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện công tác hàng năm của đơn vị. Xử lý sau thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Cung cấp tài liệu cho cơ quan cảnh sát điều tra, cơ quan an ninh điều tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật khác, tuân thủ quy định của pháp luật. Tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác quốc phòng, quân sự đạt hiệu quả và đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước trong triển khai công tác quốc phòng - an ninh. PVN đã xây dựng và ban hành 41 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trong ngành thực hiện công tác quốc phòng – an ninh phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, đồng thời đáp ứng được yêu cầu kế hoạch đề ra... PVN đã thực hiện tốt các Chỉ thị, Nghị định, Quy định của Đảng, Chính phủ về công tác quốc phòng.

M

- **Công tác pháp chế:** PVN liên tục triển khai kế hoạch rà soát, sửa đổi và xây dựng mới văn bản quản lý nội bộ theo kế hoạch cho phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVN, tạo hành lang pháp lý an toàn và thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của PVN và các đơn vị thành viên. PVN đã ban hành và thực hiện Quy chế Quản lý văn bản nội bộ, Quy chế Quản lý Thương hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Kịp thời xử lý/giải quyết các vướng mắc hoặc các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PVN và các đơn vị.

1.3.11. Công tác Văn hóa doanh nghiệp

- Trong năm 2019, PVN đã tiến hành rà soát, kiểm tra và tổng hợp toàn bộ hệ thống cán bộ làm công tác truyền thông, các thiết chế, công cụ, phương tiện thực hiện Công tác truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp trong toàn Tập đoàn. Nâng cấp cải tiến và đổi mới phương pháp quản lý, vận hành Intranet của PVN; từ Website của PVN đến các tạp chí, bản tin, website, trang thông tin nội bộ của đơn vị đã đưa thông tin đến đông đảo CBCNV, người lao động dầu khí trên 1.000 tin, bài, ảnh, video clip,... Hiện Website PVN được Tổ chức xếp hạng các trang Web thế giới và Bộ Công Thương đánh giá là vận hành, quản lý tốt, cập nhật thông tin đều đặn; là Website có số lượng người truy cập cao nhất trong số các Website của các doanh nghiệp Việt Nam; Bộ Thông tin & Truyền thông đánh giá đứng thứ 2 trong bảng xếp hạng mức độ đảm bảo an toàn thông tin. Tổ chức làm việc trực tiếp lân lượt với gần 50 cơ quan báo chí và trên 150 lãnh đạo, phóng viên có tầm ảnh hưởng lớn đến dư luận xã hội nhằm phối hợp tuyên truyền, quảng bá thương hiệu của PVN và các đơn vị thành viên; trong năm qua đã có khoảng 8.000 lượt tin, bài tích cực được truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- PVN đã có quyết định thành lập Tổ triển khai văn hóa Dầu khí, Hội đồng thành viên PVN đã phê duyệt Đề án tái tạo Văn hóa Petrovietnam và thành lập Ban Chỉ đạo triển khai đề án, thể hiện sự quyết liệt, quyết tâm trong công tác triển khai xây dựng Văn hóa Petrovietnam. Công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp bước đầu có kết quả nhất định. Một số đơn vị đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy ước, quy định về Văn hóa doanh nghiệp tại đơn vị. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai đồng bộ trên cơ sở thực hiện nghiêm các quy chế/quy định/quy trình đã được ban hành; từng bước vận hành song song với hoạt động sản xuất kinh doanh của PVN và đảm bảo các chế độ, chính sách, quy định của pháp luật hiện hành.

1.3.12. Công tác an sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội được các cấp Lãnh đạo của PVN đặc biệt quan tâm trên cơ sở đề nghị của các địa phương/tổ chức. PVN đã tích cực triển khai thực hiện theo cam kết, phối hợp với các đơn vị tài trợ, các tổ chức/địa phương được tài trợ, hoàn thành các chương trình/công trình an sinh xã hội đã được giao. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ đột xuất để hỗ trợ các cá nhân/tổ chức/địa phương kịp thời giải quyết khó khăn cấp bách như hỗ trợ nhân dân những vùng bị thiên tai, ... kịp thời khắc phục hậu quả sớm ổn định sản xuất và đời sống.

1.3.13. Công tác bảo vệ chủ quyền và biên giới quốc gia

PVN tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao và các bộ/ngành có liên quan để củng cố nền “ngoại giao dầu khí”, tranh thủ các mối quan hệ tốt giữa các Chính phủ để thu hút mạnh đầu tư các công ty dầu khí danh tiếng vào trong nước và đầu tư ra nước ngoài của PVN có hiệu quả. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng

M

Chính phủ tại Thông báo số 22/TB-VPCP ngày 25/2/2019, Tập đoàn đã chủ động làm việc với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao và các Bộ/ngành liên quan để thống nhất kế hoạch triển khai các hoạt động đầu khí tại những khu vực nhạy cảm trên biển Đông. Do đó các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí của Tập đoàn năm 2019 được triển khai an toàn, hiệu quả, nổi bật là đã lắp đặt thành công khối chân đế giàn khai thác mỏ Sao Vàng- Đại Nguyệt (Lô 05-1b&c), khoan thăm dò tại Lô 06.1 đạt kết quả tốt.... góp phần quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam.

Tăng cường nhận thức, hiểu biết trong nước và hợp tác quốc tế trong việc thúc đẩy áp dụng, tuân thủ luật pháp quốc tế, nhất là Luật Biển và các điều luật quốc tế liên quan đến các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí ở ngoài khơi.

1.4. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

1.4.1. Những thuận lợi

- Tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam được triển khai mạnh mẽ, sâu rộng và toàn diện. Việt Nam trúng cử Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.
- Tình hình chính trị - xã hội của đất nước ổn định; PVN luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời của Đảng và Chính phủ, sự hỗ trợ tích cực của các Bộ, Ban/ngành, các tổ chức đoàn thể Trung ương và các địa phương liên quan.
- Tập thể lãnh đạo và CBCNV PVN đã giữ vững bản lĩnh, niềm tin để từng bước vượt qua các khó khăn, lấy lại sự sụt giảm uy tín để phát triển bền vững. Sau thời gian dài các chức danh Lãnh đạo điều hành PVN đã được bổ sung kịp thời và dần đi vào ổn định; Bộ máy tổ chức Công ty mẹ - PVN sau khi tái cấu trúc giảm bớt khâu trung gian (còn 16 Ban/Văn phòng), tiếp tục được tinh gọn, tính chuyên nghiệp và kỷ cương được thiết lập lại chặt chẽ hơn giúp công tác quản trị doanh nghiệp được nâng cao hơn; đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật của PVN đã có nhiều kinh nghiệm từ việc thực hiện đầu tư và vận hành các dự án/công trình lớn, công nghệ cao.

1.4.2. Những khó khăn

- Tình hình quốc tế không thuận lợi đó là: (i) Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, bất đồng giữa các nước lớn về chính sách thương mại toàn cầu ngày càng sâu sắc, xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ... đã tác động mạnh đến phát triển kinh tế đất nước, trong đó có PVN. (ii) Chính sách trừng phạt kinh tế của các nước EU và Mỹ đối với Nga chưa được tháo gỡ, gây khó khăn cho PVN trong việc vay vốn từ các tổ chức ECAs của Nga, Mỹ và trong việc thực hiện các dự án lớn. (iii) Tình hình biển Đông tiếp tục có những diễn biến hết sức khó lường, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí của PVN.
- Ở trong nước: hệ thống pháp luật còn chồng chéo, thường xuyên thay đổi, thiếu tính ổn định; cơ chế chính sách liên quan đến sản xuất kinh doanh, đầu tư trong lĩnh vực dầu khí còn nhiều bất cập, chưa được tháo gỡ, chưa phù hợp với thực tế phát triển của ngành dầu khí, của PVN.
- Đối với PVN: hoạt động của lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí tiếp tục gặp nhiều khó khăn đó là: trữ lượng, tiềm năng dầu khí không nhiều như mong đợi; điều kiện triển khai các dự án tìm kiếm, thăm dò dầu khí ở trong nước phải thực hiện ở vùng sâu và xa bờ trên biển Đông; sản lượng dầu khí ở các mỏ chủ lực

đang trong giai đoạn suy giảm; Các cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho PVN thực hiện các mục tiêu chiến lược chưa được ban hành đầy đủ, kịp thời; Việc bảo lãnh vay vốn, thu xếp vốn cho các dự án đầu tư của PVN gặp nhiều khó khăn; Quy chế tài chính Công ty mẹ - PVN chưa được phê duyệt. PVN tiếp tục phải giải quyết nhiều vấn đề quá khứ, ảnh hưởng rất lớn đến nguồn lực để phát triển bền vững; Tâm lý của một bộ phận CBCNV trong Tập đoàn còn chưa ổn định, tình trạng né tránh trách nhiệm, đùn đẩy công việc vẫn còn tồn tại; Thị trường dịch vụ dầu khí chưa phục hồi, các đơn vị dịch vụ gặp khó khăn trong mở rộng và tìm kiếm thị trường, ảnh hưởng tới việc làm của người lao động, ...

BIỂU SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TRONG CÁC NĂM 2017 – 2018 – 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm 2020
1	Sản phẩm sản xuất chủ yếu					
a)	Gia tăng trữ lượng	Triệu tấn quy đổi	4,0	12,0	13,38	10-15
b)	Khai thác dầu khí	Triệu tấn quy đổi	25,41	23,98	23,29	20,36
	Dầu thô	Triệu tấn	15,52	13,97	13,09	10,62
	- Trong nước	Triệu tấn	13,57	12,0	11,04	8,83
	- Nước ngoài	Triệu tấn	1,95	1,98	2,04	1,79
	Khí	Tỷ m ³	9,89	10,01	10,20	9,74
c)	Sản xuất các sản phẩm khác					
	Urea	Nghìn tấn	1.649,1	1.628,0	1.577	1.562
	Điện	Tỷ Kwh	20,58	21,01	22,54	21,60
	Sản phẩm xăng dầu	Nghìn tấn	6.239,2	9.403,2	11.500	11.824
2	Tổng doanh thu toàn Tập đoàn	Nghìn tỷ đồng	498,0	626,8	736,2	640,9
3	Nộp ngân sách toàn Tập đoàn	Nghìn tỷ đồng	97,5	121,3	108,0	82,1
4	Thực hiện đầu tư phát triển	Tỷ đồng	39.154	36.110	24.955	53,1
a)	- Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	29.126	29.121	22.853	
b)	- Vốn vay	Tỷ đồng	10.028	6.989	2.102	
c)	- Vốn khác	Tỷ đồng	-	-	-	

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con

2.1. Danh sách các công ty mà PVN nắm giữ quyền kiểm soát:

TT	Tên công ty
1	Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí
2	Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất
3	Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP
4	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
5	Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP
6	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP
7	Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau
8	Công ty cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (từ 21/8/2019 đổi tên thành Công ty cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam)

9	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP
10	Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
11	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam
12	Tổng công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
13	Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí
14	Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí
15	Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP (từ 15/01/2020 đổi tên thành Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP)

2.2. Tình hình đầu tư của PVN vào các công ty con:

Tổng giá trị đầu tư tài chính của Công ty mẹ vào các công ty con tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 156.171 tỷ đồng không thay đổi so với thời điểm cuối năm 2018.

Tại thời điểm ngày 31/12/2019, Công ty mẹ đầu tư vào 15 công ty con, trong đó có 13 công ty kinh doanh có lãi trước thuế, 02 đơn vị thua lỗ (PVTex, PVC).

2.3. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con :

2.3.1. Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 36.629 tỷ đồng, tăng 17 tỷ đồng tương đương tăng 0,05% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế trước phân bổ chi phí đạt 12.213 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế năm 2019 (sau phân bổ chi phí) đạt 7.124 tỷ đồng, tăng 411 tỷ đồng tương đương tăng 6,12% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 (đã bao gồm phân bổ dự án) đạt 449 tỷ đồng, giảm 84 tỷ đồng tương đương giảm 15,73% so với năm 2018.

2.3.2. Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất (DQS)

- DQS là một trong các công ty kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương, tình hình sản xuất kinh doanh của DQS khó khăn, có nhiều tồn tại về tổ chức, tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản.
- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 481 tỷ đồng, tăng 36 tỷ đồng tương đương tăng 8,07% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 63 tỷ đồng, tăng 163 tỷ đồng so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 63 tỷ đồng, tăng 163 tỷ đồng so với năm 2018.

2.3.3. Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (PVGas)

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 70.876 tỷ đồng, tăng 1.168 tỷ đồng tương đương tăng 1,68% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 14.771 tỷ đồng, tăng 740 tỷ đồng tương đương tăng 5,28% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 11.921 tỷ đồng, tăng 539 tỷ đồng tương đương tăng 4,74% so với năm 2018.

2.3.4. Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 103.330 tỷ đồng, giảm 8.313 tỷ đồng tương đương giảm 7,45% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 3.088 tỷ đồng, giảm 840 tỷ đồng tương đương giảm 21,38% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 2.912 tỷ đồng, giảm 789 tỷ đồng tương đương giảm 21,32% so với năm 2018.

2.3.5. Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL)

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 32.197 tỷ đồng, tăng 389 tỷ đồng tương đương tăng 1,22% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 342 tỷ đồng, tăng 161 tỷ đồng tương đương tăng 89,14% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 317 tỷ đồng, tăng 164 tỷ đồng tương đương tăng 107,34% so với năm 2018.

2.3.6. Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PVPower)

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 25.371 tỷ đồng, giảm 1.162 tỷ đồng tương đương giảm 4,8% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 2.197 tỷ đồng, giảm 75 tỷ đồng tương đương giảm 3,31% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 1.940 tỷ đồng, giảm 236 tỷ đồng tương đương giảm 10,84% so với năm 2018.

2.3.7. Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 7.209 tỷ đồng, tăng 330 tỷ đồng tương đương tăng 4,8% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 460 tỷ đồng, giảm 237 tỷ đồng tương đương giảm 33,94% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 426 tỷ đồng, giảm 225 tỷ đồng tương đương giảm 34,53% so với năm 2018.

2.3.8. Công ty cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex)/Công ty cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam (VNPOLY):

- PVTex vận hành Nhà máy Xơ sợi Đình Vũ, là một trong các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương, tình hình tài chính của PVTex khó khăn, có thời gian nhà máy đóng cửa, bị lỗ liên tục từ khi vận hành đến nay.
- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 71 tỷ đồng, tăng 17 tỷ đồng tương đương tăng 31,99% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 lỗ 610 tỷ đồng, giảm 92 tỷ đồng so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 lỗ 610 tỷ đồng, giảm 92 tỷ đồng so với năm 2018.

2.3.9. Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo.)

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 7.119 tỷ đồng, giảm 2.113 tỷ đồng tương đương giảm 22,88% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 436 tỷ đồng, giảm 428 tỷ đồng tương đương giảm 49,54% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 370 tỷ đồng, giảm 345 tỷ đồng tương đương giảm 48,21% so với năm 2018.

2.3.10. Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 1.088 tỷ đồng, giảm 1.231 tỷ đồng tương đương giảm 53,09% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 lỗ 184 tỷ đồng, giảm 59 tỷ đồng so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 lỗ 183 tỷ đồng, giảm 59 tỷ đồng so với năm 2018.

2.3.11. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank):

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 9.818 tỷ đồng, tăng 1.780 tỷ đồng tương đương tăng 22,15% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 95 tỷ đồng tương đương năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 95 tỷ đồng tương đương năm 2018.

2.3.12. Tổng công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 6.694 tỷ đồng, giảm 234 tỷ đồng tương đương giảm 3,38% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 614 tỷ đồng, tăng 33 tỷ đồng tương đương tăng 5,7% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 577 tỷ đồng, tăng 16 tỷ đồng tương đương tăng 2,85% so với năm 2018.

2.3.13. Tổng công ty cổ phần Vận tải dầu khí (PVTrans)

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 3.102 tỷ đồng, giảm 107 tỷ đồng tương đương giảm 3,35% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 736 tỷ đồng, tăng 157 tỷ đồng tương đương tăng 27,09% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 628 tỷ đồng, tăng 145 tỷ đồng tương đương tăng 29,96% so với năm 2018.

2.3.14. Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVD)

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 3.083 tỷ đồng, giảm 265 tỷ đồng tương đương giảm 7,91% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 90 tỷ đồng, tăng 21 tỷ đồng tương đương tăng 30,31% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 84 tỷ đồng, tăng 37 tỷ đồng tương đương tăng 79,85% so với năm 2018.

2.3.15. Tổng công ty Dung dịch Khoan & Hóa phẩm Dầu khí – CTCP (DMC)/Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP (PVChem)

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 1.864 tỷ đồng, giảm 236 tỷ đồng tương đương giảm 11,25% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 39 tỷ đồng, giảm 4 tỷ đồng tương đương giảm 9,71% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 39 tỷ đồng, tương đương năm 2018.

MU

BIỂU SỐ 2
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Thực hiện năm 2019			Ước thực hiện năm 2020		
		Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn (%)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn (%)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn (%)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn (%)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)
I	Các công ty con do PVN nắm giữ 100% vốn điều lệ												
1	Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	59.700	100	59.700	59.700	100	59.700	59.700	100	59.700	59.700	100	59.700
2	Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	1.991	100	1.991	1.991	100	1.991	1.991	100	1.991	1.991	100	1.991
II	Các công ty con do PVN nắm giữ quyền kiểm soát												
3	Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP	19.140	95,79	18.328	19.140	95,79	18.328	19.140	95,79	18.328	19.140	95,79	18.328
4	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	28.602	100	29.730	31.005	92,13	28.564	31.005	92,13	28.564	31.005	92,13	28.564
5	Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP	10.884	100	10.884	10.342	80,52	8.328	10.342	80,52	8.328	10.342	80,52	8.328
6	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP	21.774	100	21.774	23.419	79,94	18.721	23.419	79,94	18.721	23.419	79,94	18.721
7	Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	5.294	75,56	4.000	5.294	75,56	4.000	5.294	75,56	4.000	5.294	75,56	4.000
8	Công ty cổ phần Hoá dầu và	2.165	74,01	1.602	2.165	74,01	1.602	2.165	74,01	1.602	2.165	74,01	1.602

MU

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2017.			Thực hiện năm 2018			Thực hiện năm 2019			Ước thực hiện năm 2020		
		Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn (%)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn (%)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn (%)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn (%)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)
	Xơ sợi Dầu khí/Công ty cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam												
9	Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí – CTCP	3.914	59,58	2.570	3.914	59,58	2.570	3.914	59,58	2.570	3.914	59,58	2.570
10	Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.000	54,47	2.127	4.000	54,47	2.127	4.000	54,47	2.127	4.000	54,47	2.127
11	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam	9.000	52,00	3.900	9.000	52,00	3.900	9.000	52,00	3.900	9.000	52,00	3.900
12	Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	4.467	51,38	2.295	4.780	51,38	2.295	4.780	51,38	2.295	4.780	51,38	2.295
13	Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí	2.814	51,00	1.305	2.814	51,00	1.305	2.814	51,00	1.305	2.814	51,00	1.305
14	Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	3.833	50,46	2.549	3.833	50,46	2.549	4.215	50,41	2.549	4.215	50,41	2.549
15	Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP/ Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP	500	36,00	191	500	36,00	191	500	36,00	191	500	36,00	191